

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

★ ThS PHẠM THỊ THU SƯƠNG

Học viện Chính trị khu vực III

● **Tóm tắt:** Trong thời gian qua, các khu công nghiệp đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, song lại gây ra không ít hệ lụy về ô nhiễm môi trường. Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp nước ta trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** bảo vệ môi trường, khu công nghiệp, ô nhiễm môi trường.



Khu xử lý nước thải tập trung tại Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Diêm Thụy A

Ảnh: baothainguyen.vn

Tính đến cuối năm 2020, cả nước có 369 khu công nghiệp (KCN) (gồm 329 KCN nằm ngoài các khu kinh tế (KKT), 34 KCN nằm trong các KKT ven biển, 06 KCN nằm trong các KKT cửa khẩu, với tổng diện tích khoảng 114.000 ha⁽¹⁾. Các dự án đầu tư trong KCN, KKT đóng góp khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020; 11,7% tổng thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016-2018⁽²⁾.

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (BVMT) tại các khu công nghiệp (KCN) được các cấp, các ngành và các doanh nghiệp quan tâm triển khai thực hiện. Công tác quản lý nhà nước về BVMT ở các KCN ngày càng hiệu quả hơn. Hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các KCN đã có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng các KCN đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, hệ thống quan trắc nước thải tự động tăng trung bình

1,26%/năm trong giai đoạn 2016-2020 (Biểu đồ 1), tổng công suất xử lý nước thải năm 2020 đạt 1,1 triệu m³/ngày đêm (tăng 4,6% so với năm 2015). Năm 2020, có 90,69% KCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung, trong đó 90,9% đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động⁽³⁾. Một số địa phương đã chú trọng thu hút, lựa chọn các dự án công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, có mức đầu tư cao.

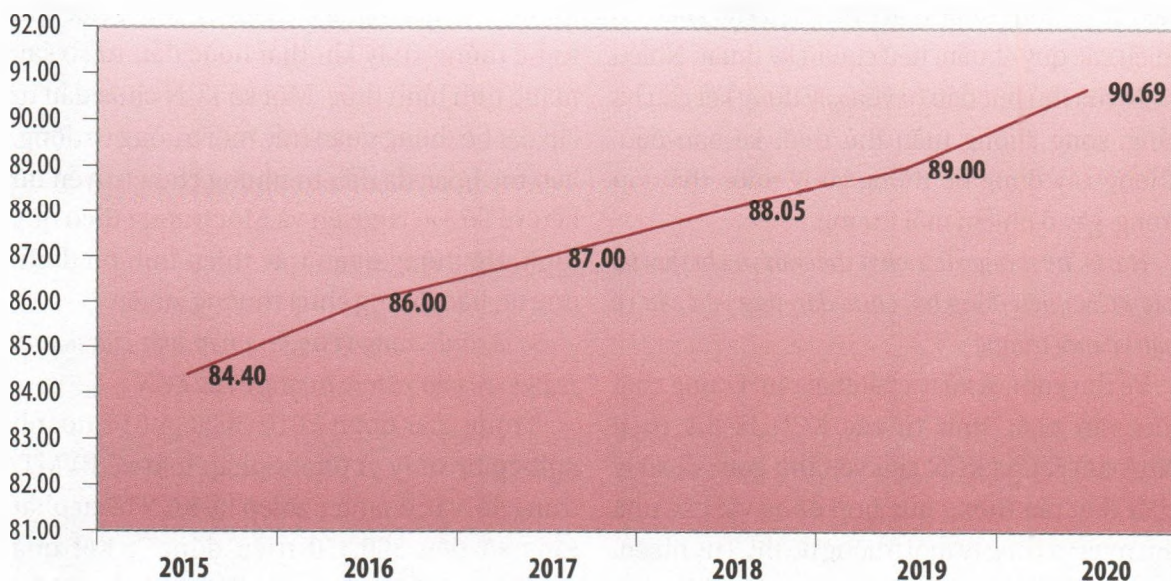
Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng BVMT các KCN ở nước ta còn một số hạn chế như:

Một là, công tác quy hoạch và vận hành hệ thống xử lý nước thải ở một số KCN chưa đúng quy định, hiệu quả thấp; chưa đạt 100% các KCN có hệ thống xử lý nước thải

Số lượng KCN đã đi vào hoạt động nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý về BVMT vẫn khá lớn. Trong số 290 KCN đã đi vào

Biểu đồ 1. Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống XLNT tập trung

Đơn vị: %



Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo Hiện trạng Môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nxb Dân trí, 2021, tr.12.

hoạt động tính đến tháng 3-2021, có 27 KCN được khảo sát (chiếm 9,31%) chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 9,1% chưa lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động; 7 KCN (chiếm 2,5%) do thành lập đã lâu hoặc chuyển đổi từ mô hình cụm công nghiệp, có tỷ lệ cho thuê đất cao từ 80% -100% nên việc xây dựng hệ thống XLNT tập trung không hiệu quả, không khả thi trong thực tế⁽⁴⁾.

Tại một số KCN, hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành chưa hiệu quả, mạng lưới thu gom và hệ thống thoát nước không được duy tu, bảo dưỡng định kỳ. Nhiều KCN chưa có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT⁽⁵⁾. Một số KCN chưa xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng mà xả trực tiếp ra môi trường, trong khi chất lượng nước thải không ổn định, có thời điểm không đạt quy chuẩn xả thải. Công tác dự báo phát sinh nước thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải chưa sát với tình hình thực tế, gây lãng phí nguồn lực; việc tái sử dụng nước thải gặp nhiều khó khăn do thiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Nhiều KCN vừa thu hút đầu tư vừa xây dựng kết cấu hạ tầng, song không tuân thủ thiết kế ban đầu, không xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, gây ô nhiễm môi trường.

Hai là, hệ thống xử lý chất thải rắn và khí thải tại các KCN thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

Về thu gom và xử lý chất thải rắn: Lượng chất thải rắn phát sinh từ các KCN là 8,1 triệu tấn/năm⁽⁶⁾. Các KCN chủ yếu thu gom và xử lý chất thải rắn thông qua hợp đồng với các nhà thu mua và công ty môi trường đô thị. Tuy nhiên, đến nay, tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải rắn chưa được giải quyết triệt để, các hóa chất thuộc danh mục chất thải nguy hại chưa

được thu gom và xử lý phù hợp. Một số KCN chưa có nơi tập kết chất thải rắn để đưa đi xử lý, gây ô nhiễm môi trường, trong khi một số doanh nghiệp tự lưu giữ và xử lý, không đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

Ở một số địa phương, việc phân loại chất thải rắn của nhiều nhà máy trong KCN chưa phù hợp với mức độ nguy hại. Chất thải rắn trước khi ra khỏi nhà máy chủ yếu được phân loại, thu gom, xử lý bằng hệ thống công nghệ cũ, thô sơ với vốn đầu tư thấp, do đó, không bảo đảm yêu cầu. Đặc biệt, nhiều loại chất thải rắn vẫn còn nguyên tính nguy hại.

- Về xử lý khí thải: Hệ thống lọc khí, bụi và hạn chế tiếng ồn của các nhà máy trong các KCN còn đơn giản. Hầu hết khí thải chứa chất độc hại từ các cơ sở sản xuất không được xử lý mà xả trực tiếp ra môi trường, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân.

Một số cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý khí thải, bụi, nhưng hiệu suất còn thấp, thường xuyên hư hỏng gây sự cố ô nhiễm môi trường. Không ít doanh nghiệp chậm trễ trong việc đầu tư hệ thống xử lý khí thải hoặc đầu tư sơ sài, mang tính hình thức. Một số KCN chưa đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục hoặc đã đầu tư nhưng chưa truyền dữ liệu về Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định. Hệ thống quan trắc thiếu tính ổn định, duy tu, bảo dưỡng chưa thường xuyên.

Ba là, tình trạng vi phạm pháp luật của doanh nghiệp về bảo vệ môi trường ở các KCN

Trong giai đoạn 2016-2020, 4.614 doanh nghiệp bị xử lý vi phạm pháp luật về BVMT, trong đó, các doanh nghiệp tại KCN bị xử phạt tổng số tiền 300.970 triệu đồng⁽⁷⁾. Kết quả thanh tra, kiểm tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại 53 KCN cho thấy, các lỗi vi phạm chủ yếu là: xả nước thải vượt tiêu chuẩn; lưu

giữ và chuyển giao chất thải không đúng quy định; xây dựng các công trình BVMT không đúng với báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được phê duyệt; thiếu báo cáo giám sát chất thải định kỳ⁽⁸⁾.

Một số KCN chưa tự giác chấp hành các yêu cầu, các tiêu chuẩn về BVMT hoặc thực hiện mang tính hình thức, thiếu trách nhiệm. Một số doanh nghiệp được cơ quan thanh tra, kiểm tra yêu cầu khắc phục tình trạng ô nhiễm, xây mới và nâng cấp hệ thống XLNT, BVMT nhưng không thực hiện kịp thời. Thậm chí, có doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, nhưng không tổ chức vận hành vì tốn kém, hoặc chỉ vận hành khi có thanh tra, kiểm tra. Một số doanh nghiệp xả thẳng nước thải, khí thải có độ ô nhiễm môi trường rất cao, nhưng cơ quan chức năng chậm phát hiện.

Nguyên nhân của hạn chế

Một là, chính sách, pháp luật về BVMT chưa hoàn thiện, chưa giải quyết triệt để các vấn đề nảy sinh trong thực tế

Các chế tài hiện nay chưa đủ mạnh để ràng buộc và xử lý các doanh nghiệp vi phạm BVMT; chưa có quy định tỷ lệ chi từ nguồn thu thuế BVMT vào đầu tư cho công tác BVMT, thiếu quy định về sử dụng nguồn vốn dự phòng từ ngân sách Trung ương cho các chương trình, dự án BVMT tại các KCN. Chưa tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để khuyến khích phát triển dịch vụ môi trường, sản phẩm thân thiện với môi trường.

Chính sách phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải, giảm phát thải, tiến tới xây dựng KCN không phát thải, KCN sinh thái đã có các mô hình thực tế nhưng chưa được chính thức công nhận theo quy định. Chính sách khuyến khích xã hội hóa trong một số hoạt động BVMT KCN còn chậm triển khai trong thực tế⁽⁹⁾.

Hai là, quy hoạch phát triển các KCN gắn với BVMT còn nhiều vướng mắc

Công tác xây dựng quy hoạch một số KCN chưa gắn liền với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước, chưa ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT; việc xây dựng mô hình KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững còn hạn chế.

Do đó, nhiều KCN chưa có địa điểm lưu trữ, trung chuyển chất thải, việc kết nối hạ tầng thoát nước thải bên trong và bên ngoài KCN thiếu đồng bộ. Việc quy hoạch và xác định hướng đầu tư vào các KCN chưa hợp lý. Có những KCN tập trung nhiều dự án có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng, mức độ ô nhiễm cao. Tình trạng quá nhiều lĩnh vực sản xuất tập trung trong một KCN là điểm bất hợp lý trong quy hoạch, làm phức tạp hóa hệ thống xử lý chất thải.

Ba là, nhận thức về BVMT tại các KCN của các cấp, các ngành, ban quản lý các KCN còn bất cập

Các cấp, các ngành và ban quản lý các KCN chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của vấn đề môi trường trong phát triển bền vững. Một số chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN hoặc nhà đầu tư thứ cấp chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm BVMT; nhiều doanh nghiệp chưa cập nhật các quy định pháp luật về BVMT. Tính tự giác trong BVMT của các doanh nghiệp tại các KCN chưa cao.

Bốn là, nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ công tác BVMT ở các KCN chưa đáp ứng yêu cầu

Nhân lực làm công tác quản lý về BVMT ở các KCN nhìn chung còn thiếu về số lượng và yếu về năng lực. Tại ban quản lý các KCN, phòng quản lý môi trường thường chỉ có 3-5 nhân sự, trong khi phải quản lý một số lượng lớn các DN, nên không thể kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên⁽¹⁰⁾. Mặt khác, việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng

ứng dụng công nghệ trong xử lý ô nhiễm môi trường còn chưa được quan tâm; năng lực xây dựng các phương án xử lý ô nhiễm môi trường chưa cao. Phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý về BVMT ở các KCN còn thiếu. Quá trình tổ chức, hướng dẫn, tư vấn, giám sát, quản lý hệ thống trạm xử lý chất thải cũng như biện pháp khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường ở các KCN còn sơ sài, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Năm là, vai trò và trách nhiệm của ban quản lý KCN trong việc quản lý môi trường chưa được phát huy hiệu quả

Thẩm quyền của ban quản lý KCN chưa được thực hiện đầy đủ, do đó chưa gắn kết được trách nhiệm và quyền hạn của ban quản lý trong vấn đề BVMT. Việc ban quản lý thiếu sâu sát trong công tác BVMT KCN, trong khi là cơ quan quản lý trực tiếp, nắm rõ thông tin của từng doanh nghiệp, từng dự án từ khi được cấp giấy phép dẫn đến giảm hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về BVMT.

Nhiều địa phương chưa xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa ban quản lý KCN với các cơ quan chức năng liên quan trong công tác quản lý nhà nước về môi trường, hoặc đã ban hành, nhưng không có sự phối hợp.

Để nâng cao hiệu quả BVMT tại các KCN trong thời gian tới, cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT

Để phát huy hiệu lực, hiệu quả Luật Bảo vệ

môi trường năm 2020, cần rà soát, sửa đổi một số luật có liên quan như Luật Xử phạt vi phạm hành chính, Luật Thanh tra, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Thuế bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư... Cần có các quy định pháp luật cụ thể để áp dụng các biện pháp xử lý bổ

sung và có chế tài nghiêm khắc hơn đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT. Đối mới quy trình thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất về BVMT. Cần uy định tỷ lệ chi từ nguồn thu thuế BVMT được sử dụng để đầu tư trực tiếp cho công tác BVMT; cho phép sử dụng nguồn vốn dự phòng từ ngân sách Trung ương ưu tiên bố trí cho các chương trình,

dự án quan trắc phục vụ kiểm soát, giám sát BVMT các KCN. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, quy định rõ trách nhiệm của ban quản lý KCN...

Thứ hai, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch BVMT các KCN

Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các KCN bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với BVMT. Quá trình lập quy hoạch phải tính đến các tác nhân gây ô nhiễm có giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường. Đồng thời, xây dựng chính sách thu hút đầu tư vào KCN theo hướng ưu tiên những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm, xác định cơ cấu lĩnh vực sản xuất phù hợp. Những dự án cùng lĩnh vực và có mức độ gây ô nhiễm cao nên được quy hoạch tập trung vào một KCN để thuận tiện cho hoạt động xử lý, kiểm soát.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, nhanh chóng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp

Tuân thủ yêu cầu công khai và minh bạch thông tin về chất lượng môi trường KCN, các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở các địa phương cần công bố cụ thể, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch các quy định BVMT trong quá trình sản xuất ở các KCN để làm cơ sở cho việc thanh tra, kiểm tra có hiệu quả. Đồng thời, áp dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, giám sát nhằm nhanh chóng phát hiện và xử phạt kịp thời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường KCN. Ngoài ra, cần xác lập cơ chế phối kết hợp giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra liên quan đến việc chấp hành pháp luật về BVMT ở các KCN và đánh giá mức độ tuân thủ Luật BVMT tại các KCN.

Thứ tư, nâng cao năng lực cán bộ quản lý môi trường tại các KCN

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác quản lý BVMT tại các KCN. Ban quản lý KCN rà soát đội ngũ cán bộ về vị trí việc làm, trình độ, năng lực, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thích hợp. Công tác đào tạo cán bộ phải được thực hiện với tầm nhìn dài hạn. Các doanh nghiệp cần tạo điều kiện cho cán bộ học tập, nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên ngành kỹ thuật môi trường, cán bộ vận hành, quản lý máy móc, thiết bị xử lý chất thải, khí thải của KCN.

Thứ năm, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp và công nhân, lao động trong KCN và người dân

Việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT ở KCN cho các chủ thể cần được thực hiện thường xuyên; xây dựng kế hoạch bài bản,

thường xuyên, đồng thời, cần lựa chọn hình thức tuyên truyền, giáo dục phù hợp.

Phát động và duy trì thường xuyên các phong trào BVMT hướng đến xây dựng KCN đạt chuẩn, trong đó, người lao động cần hiểu rõ trách nhiệm của cá nhân, doanh nghiệp để thực hiện và tham gia giám sát công tác BVMT. Hằng năm, ban quản lý KCN tổ chức đánh giá các phong trào BVMT, trên cơ sở đó tôn vinh các tổ chức, cá nhân tiêu biểu.

Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về BVMT ở các KCN. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tăng cường sự tham gia của các tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư xung quanh KCN trong các hoạt động giám sát, cung cấp thông tin, hỗ trợ KCN BVMT □

Ngày nhận bài: 30-8-2022; Ngày bình duyệt: 12-9-2022; Ngày duyệt đăng: 26-9-2022.

- (1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Báo cáo tình hình thành lập và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế năm 2020.*
- (2), (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Báo cáo Hiện trạng Môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020*, Nxb Dân trí, Hà Nội, 2021, tr.11.
- (4), (7), (8), (9) *Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp và khu kinh tế*, <https://monre.gov.vn/>, 13-05-2021.
- (5) Trần Văn Minh, Hoàng Văn Thúc, Nguyễn Phạm Hà, Nguyễn Thị Hồng Liễu. *Hiện trạng quản lý môi trường khu công nghiệp và một số kiến nghị, giải pháp*, <http://tapchimoitruong.vn/>, 03-04-2020.
- (6) *Giải pháp nào đối với rác thải công nghiệp*, <http://vovgiaothong.vn>, 26-8-2021.
- (10) Lưu Nguyễn Sơn. *Điểm mặt những yếu kém trong xử lý nước thải khu công nghiệp*, <https://baotainguyenmoitruong.vn/>, 14-09-2020.